

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÔNG CHUYÊN NGỮ Ở HÀ NỘI ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

Trương Tố Loan

Nghiên cứu sinh K2016-2019, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng
Email: truongtoloanspnttw@gmail.com

Article History

Received: 12/3/2020

Accepted: 06/4/2020

Published: 08/5/2020

Keywords

status, management, learning activities, English, students, expected learning outcome.

ABSTRACT

Managing students' learning activities requires specific content and demands, so it is necessary to strengthen the inspection and evaluation of both students' activities and lecturers' teaching activities. The quality of training in general, teaching in particular not only depends on the quality of the teacher's teaching, but largely on the awareness and learning results of students, which also serves as a basis for assessing the management of teaching activities at schools. The paper studies the current situation as a prerequisite to propose measures to improve the efficiency of English teaching and training quality at universities, meeting the current requirements of globalization and international integration.

1. Mở đầu

Xu thế hội nhập hiện nay ở nước ta đòi hỏi đội ngũ người lao động, nhất là lao động ở trình độ cao (tốt nghiệp đại học) không chỉ có chuyên môn, tay nghề cao mà còn phải biết và sử dụng ngoại ngữ tốt, kể cả 4 kỹ năng: *nghe, nói, đọc, viết* để có đủ tự tin khi hợp tác làm việc với người nước ngoài, thực hiện đúng theo pháp luật quốc tế; hiểu rõ và áp dụng các công nghệ tiên tiến trên thế giới vào sản xuất trong nước, tạo năng suất lao động cao hơn với chất lượng sản phẩm tốt hơn. Đối với các nhà trường nói chung, các trường đại học nói riêng, dạy học là một hoạt động cơ bản, đặc trưng, trọng tâm thường xuyên nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Từ mục tiêu, yêu cầu đào tạo của mỗi ngành nghề cụ thể mà các nhà trường xây dựng chương trình, nội dung phù hợp, bao gồm nhiều môn học, trong đó có môn Tiếng Anh. Đây được coi là môn học không thể thiếu trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay. Thực tế trình độ, khả năng sử dụng tiếng Anh của đa số sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường vẫn còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng công việc của họ. Vấn đề này cần được khắc phục, với các biện pháp quản lý tốt trong quá trình đào tạo ở các trường đại học không chuyên ngữ, nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng, mục tiêu dạy học tiếng Anh cũng như mục tiêu quản lý nhà trường.

Quản lý dạy học môn Tiếng Anh ở các trường đại học đáp ứng chuẩn đầu ra (CDR) thực chất là những tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý như: xác định và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình nội dung dạy học, quản lý hoạt động dạy và học của giảng viên (GV), SV; quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả và điều kiện đảm bảo cho dạy học nhằm giúp SV đáp ứng CDR của môn học về nghe, nói, đọc, viết theo mục tiêu xác định. Kết quả công tác quản lý dạy học môn Tiếng Anh ở các trường đại học đáp ứng CDR cũng là cơ sở khẳng định uy tín, cam kết công bố công khai của các trường về chất lượng SV tốt nghiệp với các cơ quan, doanh nghiệp và xã hội.

Bài viết làm rõ những vấn đề thực tiễn về quản lý hoạt động học tập môn Tiếng Anh của SV ở một số trường đại học không chuyên ngữ trên địa bàn TP. Hà Nội, cung cấp những minh chứng để chủ thể quản lý đánh giá đúng thực trạng quản lý dạy và học môn Tiếng Anh, từ đó tìm ra nguyên nhân hạn chế, làm cơ sở đề xuất các nhóm giải pháp quản lý dạy và học môn Tiếng Anh đáp ứng CDR ở một số trường đại học không chuyên ngữ hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Chuẩn đầu ra môn Tiếng Anh ở các trường đại học

Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT đã quan niệm chung về CDR như sau: CDR là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện (Bộ GD-ĐT, 2017).

Về góc độ nghiên cứu, CDR trong giáo dục nói chung, dạy học các môn học nói riêng tuy có khá nhiều tác giả luận bàn đưa ra quan niệm riêng của cá nhân, song đều có những điểm tương đồng về khái niệm này, đó là CDR được hiểu là những gì người học đạt được sau khi kết thúc một chương trình đào tạo, nó là cam kết của nhà trường

đối với xã hội về kiến thức, kỹ năng người học đạt được khi tốt nghiệp khóa học. Từ quan niệm chung đó, có thể khái quát: *CĐR môn Tiếng Anh ở các trường đại học không chuyên ngữ là sự khẳng định về kiến thức ngữ pháp, từ vựng cùng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp tiếng Anh của SV đạt được sau khi kết thúc chương trình môn học; nó phản ánh sự cam kết của nhà trường đối với xã hội về chất lượng dạy học môn học tại trường.*

Để đảm bảo chất lượng dạy học môn Tiếng Anh, vấn đề xác định được CĐR cho môn học này là vấn đề quan trọng, CĐR giúp cho các lực lượng sư phạm trong nhà trường từ đội ngũ CBQL, GV, SV đánh giá toàn diện công tác đào tạo của nhà trường từ mục tiêu đào tạo, chương trình, nội dung dạy học môn Tiếng Anh. Đồng thời, thông qua công bố CĐR, nhà trường thông tin đến được với xã hội và người học về năng lực đào tạo của nhà trường; tạo được niềm tin đối với người học, người sử dụng lao động và xã hội.

Đối với đội ngũ GV giảng dạy môn Tiếng Anh, CĐR là cơ sở để thiết kế mục tiêu dạy học; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức dạy học môn Tiếng Anh. CĐR còn là cơ sở để kiểm tra, đánh giá và đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Đối với SV, CĐR giúp họ hiểu được họ cần đạt được những gì; từ đó xác định rõ ràng, chính xác, cụ thể các mục tiêu học tập của bản thân. CĐR là cơ sở cho SV xác định thái độ, động cơ học tập đúng đắn; tích cực, nỗ lực trong học tập để đạt được mục tiêu học tập môn Tiếng Anh.

Về mục tiêu, CĐR nói chung và CĐR môn Tiếng Anh nói riêng ở các trường đại học là một quy định bắt buộc để đảm bảo điều kiện tốt nghiệp của SV theo Luật Giáo dục đại học và quy định của nhà trường. Ngoài các kiến thức, kỹ năng SV đã được học và tích lũy trong chương trình đào tạo, SV các trường đại học không chuyên ngữ phải đạt chuẩn về trình độ môn Tiếng Anh theo quy định và lộ trình thực hiện của nhà trường.

CĐR môn Tiếng Anh là cơ sở hỗ trợ, công tác đảm bảo chất lượng và hình thành các chuẩn đào tạo, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học, tạo điều kiện học liên thông và học suốt đời... Thông qua CĐR để giới thiệu với xã hội năng lực đào tạo của nhà trường, tạo được niềm tin trong SV, phụ huynh, người sử dụng lao động; tăng cường khả năng hợp tác giữa nhà trường với xã hội; SV sẽ được tăng cường cơ hội học tập, cơ hội việc làm...

2.2. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- Thời gian và địa bàn khảo sát: Khảo sát được tiến hành trong năm học 2018-2019 tại 03 trường đại học không chuyên ngữ trên địa bàn TP. Hà Nội là: Đại học Điện lực, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Đối tượng khảo sát là đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục, GV ở các khoa, Bộ môn Ngoại ngữ và SV hệ chính quy của 03 trường đại học không chuyên ngữ nêu trên. Cụ thể, tổng số lượng khách thể khảo sát là 180, trong đó CBQL là 30; đội ngũ GV là 50 và 100 SV.

- Phương pháp khảo sát được chúng tôi sử dụng trong quá trình khảo sát thực trạng là: quan sát, đàm thoại, điều tra bằng phiếu hỏi, thống kê toán học.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Thực trạng quản lý hoạt động học tập tiếng Anh của sinh viên

Bảng 1. Đánh giá chung về quản lý hoạt động học tập môn Tiếng Anh của SV

TT	Nội dung	Chủ thể đánh giá	Kết quả thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Giáo dục ý thức nghề nghiệp, động cơ và thái độ học tiếng Anh cho SV	GV	4	8	12	24	21	42	13	26
		CBQL	3	10	8	27	12	40	7	23
2	Bồi dưỡng các phương pháp học tiếng Anh nhằm phát huy tính tích cực cho SV	GV	5	10	11	22	26	52	8	16
		CBQL	0	0	8	27	17	56	5	17
3	Xây dựng những quy định về nề nếp học tiếng Anh trên lớp cho SV	GV	10	20	27	54	10	20	3	6
		CBQL	6	20	17	57	5	17	2	6
4	Xây dựng quy định về nề nếp tự học tiếng Anh của SV	GV	0	0	0	0	33	66	17	34
		CBQL	0	0	0	0	21	70	9	30
5	Yêu cầu kết hợp kiểm tra việc làm bài tập về nhà (đọc sách, tài liệu tham khảo...) của SV	GV	0	0	11	22	24	48	15	30
		CBQL	0	0	11	38	17	56	2	6
6		GV	0	0	5	10	10	20	35	70

	Phối hợp cán bộ lớp, Phòng Công tác chính trị học sinh - SV, Đoàn Thanh niên theo dõi về nền nếp học tiếng Anh của SV	QBCL	0	0	4	13	6	20	20	67
7	Khen thưởng và kỉ luật SV kịp thời về việc thực hiện nền nếp học tập	GV	30	60	15	30	5	10	0	0
		CBQL	17	57	11	37	2	6	0	0

Kết quả khảo sát ở *bảng 1* cho thấy, hoạt động học tiếng Anh nói riêng và hoạt động học nói chung có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học của SV. Các trường đại học đã đề ra hệ thống các biện pháp tương đối đồng bộ như: Ban Giám hiệu đã chỉ thị đến Khoa, Bộ môn đồng thời nhắc nhở GV quan tâm giáo dục phương pháp học tiếng Anh cho SV, đặc biệt chú trọng hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu. Tuy nhiên, kết quả đánh giá ở bảng trên cho thấy thực trạng các biện pháp quản lí vẫn còn nặng về hình thức, một số biện pháp đánh giá có hiệu quả chưa cao.

Việc giáo dục ý thức nghề nghiệp, động cơ thái độ học tiếng Anh cho SV được thực hiện chưa tốt. Một số GV cho rằng khi SV vào trường là các em đã có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, nên việc giáo dục động cơ, thái độ học tập học tiếng Anh là không cần thiết. Tuy nhiên, thực tế ở các trường đại học lại không như vậy. Để hoạt động học của SV có chất lượng, việc giáo dục ý thức nghề nghiệp, động cơ và thái độ học tập, học tiếng Anh cho SV là nhiệm vụ quan trọng và cần được làm thường xuyên nhưng có tới 65% CBQL và 68% GV đánh giá kết quả thực hiện ở mức trung bình và chưa đạt.

Việc dưỡng các phương pháp học tiếng Anh nhằm phát huy tính tích cực của SV cũng chưa được thực hiện tốt, các ý kiến đánh giá của CBQL là 56% và 52% GV tập trung đánh giá ở mức trung bình.

Việc xây dựng những quy định về nền nếp học tiếng Anh trên lớp cho SV cũng thấy các nhà trường thực hiện tương đối tốt, do có các biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện những quy định về nền nếp học tiếng Anh, tổ chức kiểm tra, theo dõi chặt chẽ nền nếp học tiếng Anh trên lớp của CBQL với tỉ lệ 77% và GV là 74% đánh giá kết quả thực hiện ở mức tốt và khá.

Trong hoạt động học tiếng Anh của SV các trường đại học không chuyên ngoại ngữ, hoạt động tự học, tự nghiên cứu giữ một vai trò rất quan trọng, song hoạt động này trong thực tế được đánh giá qua CBQL với tỉ lệ là 70% và 66% GV đánh giá mức độ quản lí SV về tự học ở mức trung bình và có tới 30% CBQL và 34% GV với ý kiến đánh giá ở mức chưa đạt yêu cầu. Đây là điều đáng “báo động” của các trường đại học.

Việc yêu cầu kết hợp đọc sách và tài liệu tham khảo của SV, hầu hết các ý kiến thống nhất đánh giá tập trung ở mức trung bình và chưa đạt (có tới 56% và 6% CBQL, 48% với 30% GV).

Việc phối kết hợp cán bộ lớp, phòng công tác chính trị học sinh, SV theo dõi nền nếp học tập của SV thực hiện chưa được tốt, có tới 67% CBQL và 70% GV đánh giá ở mức chưa đạt.

Trong những năm gần đây, ý thức được việc phối hợp quản lí nền nếp và tạo điều kiện tốt cho SV học tập, đồng thời giữ nghiêm kỉ cương nền nếp sẽ khuyến khích, động viên kịp thời những SV có ý thức tốt, xử lí nghiêm những SV vi phạm sẽ nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Vì thế, khen thưởng và kỉ luật kịp thời đối với SV về việc thực hiện nền nếp học tập đã được các trường quan tâm thực sự thoả đáng. Việc khen thưởng và kỉ luật SV kịp thời về việc thực hiện nền nếp học tập được đánh giá với mức thực hiện tốt và khá với tỉ lệ của CBQL là 94% và GV là 90%. Các nhà trường đã có hình thức khen thưởng, khuyến khích động viên SV khi có thành tích cũng như nghiêm khắc xử phạt đối với các SV vi phạm.

2.3.2. Thực trạng quản lí việc giáo dục ý thức nghề nghiệp, động cơ, thái độ học tập tiếng Anh của sinh viên

Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng về công tác giáo dục ý thức nghề nghiệp, động cơ và thái độ học tập tiếng Anh của SV

TT	Nội dung	Chủ thể đánh giá	Kết quả thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tổ chức giao lưu, trao đổi giữa SV về tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công tác và về kinh nghiệm học tiếng Anh với các cán bộ, GV và các thế hệ SV	GV	0	0	7	14	15	30	28	56
		SV	10	10	20	20	30	30	40	40
2		GV	7	14	8	16	15	30	20	40

Lấy kết quả học tập tiếng Anh làm một trong những tiêu chuẩn để xét, bình bầu thi đua	SV	12	12	10	10	30	30	48	48
---	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Bảng 2 cho thấy, đánh giá của GV và SV về tổ chức giao lưu, trao đổi về tầm quan trọng của tiếng Anh trong học tập, công tác, kinh nghiệm học tiếng Anh với các cán bộ, chuyên gia, GV và các thể hệ SV đều ở mức trung bình và chưa tốt, tỉ lệ đánh giá là 86% và 70%. Về nội dung đánh giá kết quả học tập tiếng Anh làm một trong những tiêu chuẩn để xét, bình bầu thi đua các loại cũng được đánh giá thực hiện mức trung bình và chưa tốt với tỉ lệ GV là 70% và SV là 78%. Nhìn chung cả 2 chủ thể được điều tra đều cho rằng, biện pháp này có thực hiện nhưng kết quả còn ở mức trung bình và chưa tốt.

2.3.3. Thực trạng về quản lí việc bồi dưỡng phương pháp học tiếng Anh tích cực cho sinh viên

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng về quản lí các phương pháp học tiếng Anh tích cực cho SV

TT	Nội dung	Chủ thể đánh giá	Kết quả thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phương pháp thuyết trình	GV	6	12	5	10	24	48	15	30
		SV	7	7	6	6	50	50	37	37
2	Phương pháp đàm thoại	GV	10	20	17	34	13	26	10	20
		SV	25	25	23	23	35	35	17	17
3	Phối hợp phương pháp đàm thoại với thuyết trình	GV	12	24	13	26	14	28	11	22
		SV	23	23	25	25	27	27	25	25
4	Phương pháp thảo luận	GV	4	8	10	20	13	26	23	46
		SV	8	8	20	20	25	25	47	47
5	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	GV	5	10	10	20	23	46	12	24
		SV	13	13	18	18	43	43	26	26
6	Phương pháp nêu vấn đề, giải quyết vấn đề	GV	3	6	10	20	17	34	20	40
		SV	14	14	9	9	40	40	37	37
7	Phương pháp hợp tác nhóm	GV	3	6	6	12	18	36	23	46
		SV	7	7	5	5	32	32	56	56

Khoa, Bộ môn Ngoại ngữ các trường đã tổ chức các buổi trao đổi về sử dụng phương pháp dạy học tích cực, dạy mẫu và rút kinh nghiệm. Các GV đã tích cực đổi mới từ khâu chuẩn bị bài giảng để kích thích SV tự giải quyết vấn đề nhằm phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo của SV trong quá trình học tập. Đề thi đã được GV lồng ghép nội dung tự học vào cũng như khách quan hơn trong công tác coi thi, chấm thi. Muốn SV có khả năng tự học, GV phải tìm cách để hướng dẫn SV có cách học tốt.

Tuy nhiên, trên thực tế khảo sát, quan sát và trao đổi trực tiếp với GV và SV, kết quả thu được cho thấy còn một số GV vẫn áp dụng theo lối dạy truyền thống là phương pháp thuyết trình “Thầy nói - trò nghe” là chủ yếu. Những phương pháp được coi là mang lại hiệu quả cao cho hoạt động tự học của SV như phương pháp thảo luận; phương pháp kiểm tra, đánh giá; phương pháp nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và phương pháp hợp tác nhóm lại chưa được GV áp dụng nhiều (thể hiện qua tỉ lệ lựa chọn được thể hiện trong mục 4, 5, 6, 7 ở mức trung bình và chưa tốt), trong khi đây là những phương pháp mang lại hiệu quả cao cho hoạt động tự học của SV.

Việc lựa chọn phương pháp học cho SV sao cho phù hợp với từng môn học, nhất là môn Tiếng Anh để có hiệu quả là điều cần thiết. Hiện nay, trên thực tế, đa số SV vẫn chưa có kĩ năng tự học nên các em rất cần được tư vấn về phương pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ tự học. Tuy nhiên, Khoa, Bộ môn Ngoại ngữ ở các trường đại học còn chưa thực hiện tốt công tác này.

2.3.4. Thực trạng về quản lí việc xây dựng quy định nền nếp tự học tiếng Anh của sinh viên

Bảng 4. Khảo sát ý kiến đánh giá của GV và SV về xây dựng quy định đối với nền nếp tự học tiếng Anh của SV

TT	Nội dung	Chủ thể đánh giá	Kết quả thực hiện							
			Tốt		Khá		Trung bình		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng động cơ tự học cho SV	GV	10	20	18	36	15	30	7	14
		SV	17	17	35	35	28	28	20	20

2	Quản lý kế hoạch tự học của SV	GV	7	14	14	28	20	40	9	18
		SV	14	14	29	29	35	35	22	22
3	Quản lý nội dung, phương pháp tự học của SV	GV	6	12	19	38	20	40	5	10
		SV	18	18	21	21	40	40	21	21
4	Quản lý các điều kiện đảm bảo cho hoạt động tự học của SV	GV	11	22	16	32	20	40	21	21
		SV	18	18	52	52	20	20	10	10
5	Kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của SV	GV	7	14	14	28	21	42	8	16
		SV	17	17	29	29	39	39	15	15

Muốn việc học tập nói chung, hoạt động tự học nói riêng, đặc biệt là môn Tiếng Anh có kết quả, mỗi SV phải tự ý thức được thời gian và trình tự công việc của mình, phải có kế hoạch học tập khoa học, rõ ràng. Kết quả điều tra, khảo sát ý kiến của SV về việc lập kế hoạch học tập cho thấy, đa số SV có lập kế hoạch học tập, nhưng phần lớn bản thân nhận thấy không thực hiện được kế hoạch học tập đã đề ra. Trong khi đó, GV đánh giá, nhận xét SV chưa biết cách lập kế hoạch học tập một cách khoa học, hợp lý nên kết quả học tập chưa cao.

Hình thức tự học của SV chủ yếu là học cá nhân, ít trao đổi với bạn bè (đây là điểm cần khắc phục, nhất là khi học ngoại ngữ); SV chưa có hình thức học tích cực, chưa biết chia sẻ, hợp tác trong quá trình học tập, dễ chán nản, đặc biệt là khi gặp phải những vấn đề khó mà tự mình không đủ khả năng để giải quyết. Tuy nhiên, mỗi SV buộc phải rèn luyện ý thức, tự luyện tập và rút kinh nghiệm về phương pháp học và tự học sao cho phù hợp với bản thân.

Nội dung tự học của SV chủ yếu theo hướng đọc lại, ôn lại bài cũ để nắm vững những nội dung đã được GV giảng trên lớp là chính. Số SV chủ động học, đọc trước giáo trình, tài liệu để chuẩn bị cho việc chủ động tham gia vào quá trình học tập trên lớp không nhiều, việc học của các em chủ yếu vẫn mang tính đối phó; đa số SV tự học là để đáp ứng kiểm tra, thi cử chứ ít em học với đúng mục đích để mở rộng và hiểu sâu tri thức, không phải xuất phát từ động cơ, nhu cầu học tập của chính bản thân mình. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, có tới 58% GV cho rằng nội dung này chưa đạt kết quả hoặc cũng chỉ ở mức trung bình; 39% SV đánh giá nội dung này ở mức trung bình và 15% SV cho rằng chưa đạt.

3. Kết luận

SV của các trường nhìn chung đều có ý thức học tập, có khả năng tiếp thu nhanh, mong muốn có được trình độ chuyên môn cao sau khi tốt nghiệp chuyên ngành mà mình đã chọn. Tuy nhiên, hoạt động học của SV cũng như phương pháp học tập chưa thực sự phù hợp với đại học; việc xây dựng kế hoạch học tập còn mang nặng tính hình thức, khi thực hiện kế hoạch có lúc tùy tiện. Phương pháp học tập, tư duy của SV còn mang tính “phổ thông” (nặng về học thuộc lòng, học theo vở ghi, ít tìm tòi, suy luận, tranh luận). Những gương học tập giỏi, rèn luyện tốt chưa được nhân rộng thành phong trào, năng lực tự học, tự nghiên cứu còn yếu; khả năng tự quản, tự điều chỉnh của SV chưa đạt yêu cầu đặt ra. Kết quả học tập thiếu ổn định và được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình, SV còn chưa thường xuyên xây dựng kế hoạch tự học trong đó có môn Tiếng Anh, nhiều lúc chỉ mang tính tự phát. Nhiều SV có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, không thực sự phấn đấu, cầu thị học tập làm ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2010a). *Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo*.
- Bộ GD-ĐT (2010b). *Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học*.
- Đỗ Minh Cường, Nguyễn Thị Doan (2001). *Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hoàng Thị Hương (2018). *Nâng cao chất lượng xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở một số cơ sở giáo dục đại học nước ta*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 2 tháng 5, tr 86-89.
- Muhammad Abdul Malik, Ali Murtaza, Abdul Majeed Khan (2011). *Role of Teachers in Managing Teaching Learning Situation*. Interdisciplinary Journal of Contemporary Research in Business, 3(5), 783-833.
- Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên, 2015). *Phát triển và quản lý chương trình giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trương Tô Loan (2019). *Một số vấn đề lý luận về chuẩn đầu ra môn Tiếng Anh ở các trường đại học không chuyên ngữ*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, tr 262-265; 255.